

Bản án số: 1016/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2017

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Việt Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Ông Nguyễn Văn Bình

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2017/HNST ngày 09/1/2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/8/2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Đường D, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1983

Địa chỉ: Đường N, phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1960

2. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Đường G, Phường Z, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lưu Thành D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 2, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân H là đại diện theo ủy quyền, địa chỉ: đường I, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (GUQ số công chứng 000071 ngày 12/01/2017 tại Văn phòng công chứng N).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/01/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày: Tôi và bà A quen biết, tìm hiểu một thời gian và được sự đồng ý của hai gia đình nên đã đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn chính thức vào ngày 25/02/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyền số 1/2004 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian chung sống, tôi đã cố gắng vun vén cho gia đình nhưng bà A tỏ ra là người phụ nữ thiếu trách nhiệm với gia đình, không làm tròn bổn phận con dâu với

Bố Mẹ chồng, đam mê những thú vui cá nhân. Chính vì thế chúng tôi đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, tôi đã sống ly thân với bà A. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi không thể hàn gắn nên tôi xin được ly hôn với bà A.

Về con chung, chúng tôi không có con chung

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi tạo lập được các tài sản sau:

- Thửa đất số X, tờ bản đồ số 4, địa chỉ TDP, phường M, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số XYZ, số vào sổ cấp GCN YXZ do Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20/9/2011;

- Thửa đất số Y, tờ bản đồ số 20. địa chỉ TDP TP, phường O, thành phố Q, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CA, số vào sổ cấp GCN CS do Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/9/2015;

- Lô đất H26 thuộc thửa Y, tờ bản đồ số Z Dự án khu nhà ở VP1 tại phường HBP, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số ABC/HĐMB/VP-HBP ngày 25/1/2015 giữa tôi và Công ty CP Đầu tư địa ốc VP và biên bản bàn giao nền nhà số 28/2016/BBGN ngày 23/5/2016;

- Thửa đất số 899, tờ bản đồ số 35. địa chỉ xã BĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH do Ủy ban nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2015;

- 01 xe ô tô Toyota Camry;

- Tiền mặt 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng);

- Cho ông Nguyễn Viết Đ và bà Hoàng Thị S vay 300.000.000đ( Ba trăm triệu đồng).

Ngày 25/7/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu tranh chấp tài sản cũng như không yêu cầu ông Đ, bà S trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A tại bản tự khai ngày 13/02/2017 trình bày: Tôi và ông L kết hôn năm 2004, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chúng tôi sinh sống tại nhà cha mẹ tôi tại số Đường D, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, chúng tôi có tài sản chung đề nghị giải quyết và chia đồng đều.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Viết Đ và bà Hoàng Thị S tại bản tự khai ngày 22/02/2017 trình bày: Năm 2003 khi ông L đặt vấn đề cưới con gái tôi là Nguyễn Thị Thúy A, tôi đồng ý, vì ông L mới ra trường và nhà ở xa nên tôi đồng ý cho ở rể và vợ chồng tôi đều lo toan mọi thứ đầy đủ. Gần đây do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng về tiền bạc, nhà cửa gì đó và có đánh nhau, chúng tôi bắt gặp, có khuyên răn nhưng không nghe và đến cuối năm 2016 ông L tự bỏ đi cho đến nay. Vợ chồng tôi không vay mượn của ông L tiền bạc gì cả dù ít hay nhiều. Đề nghị Tòa án xem xét.

2. Ông Lưu Thành D do ông Nguyễn Xuân H là đại diện theo ủy quyền tại bản tự khai ngày 27/02/2017 trình bày: Ngày 15/6/2015 ông D có cho vợ chồng ông L, bà A

vay số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu) để mua nền đất tại thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, thời hạn vay 20 tháng, lãi suất 0,6%/tháng. Ngày 25/12/2015 ông Dư cho vợ chồng ông L, bà A vay số tiền là 4.800.000.000đ (Bốn tỷ tám trăm triệu đồng) để mua ô tô và nền đất số H26 thuộc dự án khu nhà ở VP1, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 0,9%/tháng. Tổng số tiền vay 02 đợt là 5.600.000.000đ (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng).

Nay tôi yêu cầu ông L, bà A có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 5.600.000.000đ và tiền lãi tạm tính là 300.000.000đ. Tổng cộng là 5.900.000.000đ (Năm tỷ chín trăm triệu).

Ngày 24/7/2017 ông Lưu Thành D có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập đề ngày 10/1/2017, xin rút lại yêu cầu ông L, bà A phải trả số tiền là 5.900.000.000đ (Năm tỷ chín trăm triệu) và đề nghị Tòa án không triệu tập ông vì không còn quyền lợi gì liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày: Bà không đồng ý lý hôn khi chưa giải quyết xong phần tài sản. Về con chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Do ông L rút yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng và ông D rút yêu cầu về việc yêu cầu ông L, bà A trả nợ nên không xem xét; về quan hệ hôn nhân xét thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà A không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L là được ly hôn với bà A; về con chung hai bên khai không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

+ **Về thẩm quyền:** Căn cứ vào lời khai của đương sự thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Xét việc khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Về thủ tục tố tụng:**

- Xét nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Xét nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu ông Nguyễn Viết Đ và bà Hoàng Thị S trả số tiền 300.000.000đ và không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên ông Đ, bà S không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Xét ông Lưu Thành D có đơn xin rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu ông L, bà A trả số tiền 5.900.000.000đ nên ông D không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn L là có căn cứ, đúng pháp luật.

***Xét yêu cầu của ông Nguyễn Tấn L về việc xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy A; Hội đồng xét xử xét thấy:***

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyền số 01/2004 ngày 25/02/2004 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà A là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì việc ông L xin ly hôn với bà A vì bà A không làm tròn trách nhiệm đối với gia đình và bản thân làm con dâu nên dẫn đến nhiều mâu thuẫn không thể tự giải quyết được. Ông Đ, bà S (cha mẹ của bà A) trong bản tự khai ngày 22/2/2017 cũng cho biết mâu thuẫn giữa ông L và bà A đã dẫn đến việc đánh nhau, ông bà đã khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông L, bà A là không thể gượng ép, mục đích của hôn nhân đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L được ly hôn với bà A.

Về con chung: Theo lời khai thì ông L, bà A không có con chung.

Về tài sản chung: Do ông L có đơn xin rút lại yêu cầu tranh chấp tài sản nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

Về nợ chung: Do ông Lưu Thành D rút lại yêu cầu về việc yêu cầu ông L, bà A trả nợ nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

Về án phí:

- Ông L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ, số tiền này được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí ông L đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0011961 ngày 04/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi căn trừ ông L phải nộp thêm số tiền 100.000đ (Một trăm ngàn).

- Hoàn trả lại cho ông L tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0012182 ngày 23/2/2017 và 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0012152 ngày 20/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả lại cho ông D tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 56.800.000đ (Năm mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0012153 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

***1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L.***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn L được ly hôn bà Nguyễn Thị Thúy A
- Về con chung: Ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Thị Thúy A khai không có.

**2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L về việc tranh chấp tài sản và yêu cầu cầu ông Nguyễn Việt Đ và bà Hoàng Thị S trả số tiền 300.000.000đ( Ba trăm triệu đồng).**

**3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Lưu Thành D về việc yêu cầu ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Thị Thúy A trả số tiền là 5.900.000.000đ (Năm tỷ chín trăm triệu đồng).**

**4. Về án phí sơ thẩm:**

- Ông L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ, số tiền này được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí ông L đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0011961 ngày 04/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi căn trừ ông L phải nộp thêm số tiền 100.000đ (Một trăm ngàn).

- Hoàn trả lại cho ông L tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0012182 ngày 23/2/2017 và 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0012152 ngày 20/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả lại cho ông D tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 56.800.000đ (Năm mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0012153 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Quyền kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Thúy A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tấn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- UBND Phường X, quận T (GKH số 69 ngày 06/6/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Việt Hùng**

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- UBND P10, QTB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Việt Hùng**

